

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **505/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/12/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Trọng Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Kim Tuyền.  
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 719/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị M**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

Tạm trú: 218/Q1 khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 31 ấp 2, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, các bản tự khai, biên bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị M trình bày:

Bà Đào Thị M và ông Lê Minh T kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2013. Sau thời gian vợ chồng chung sống với nhau, bà Đào Thị M nhận thấy giữa hai người có nhiều điểm khác biệt, bất đồng trong cuộc sống, chồng cờ bạc vợ khuyên không nghe,

không lo cho cuộc sống gia đình, chồng ghen tuông và có lần đánh vợ, dùng lời lẽ nhục mạ, xúc phạm danh dự nhân phẩm của vợ, vợ chồng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả. Bà Đào Thị M xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông Lê Minh T.

Về con chung: Có hai con chung là trẻ Lê Minh T, sinh ngày 09/5/2013 và trẻ Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/12/2016. Sau khi ly hôn bà Đào Thị M đồng ý giao hai con chung cho ông Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để mời ông T trình bày ý kiến, đưa ra các yêu cầu của mình, đồng thời tham gia hòa để giải hàn gắn gia đình với bà M. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông theo quy định, tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2020 ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T và bà Đào Thị M kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2013.

Sau thời gian vợ chồng chung sống với nhau, ông Lê Minh T nhận thấy giữa hai người có nhiều điểm khác biệt, bất đồng trong cuộc sống, kinh tế khó khăn dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, ông T có đánh bài, vợ đã khuyên nhủ và ông hứa không cờ bạc nữa, ông có đánh vợ do ghen tuông nhưng đã xin lỗi vợ, vợ chồng cố gắng hòa giải với nhau nhưng không có kết quả nên đã ly thân. Ông T không muốn ly hôn vì muốn hai con được cả cha lẫn mẹ cùng chăm sóc và vì ông còn thương vợ, muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau và đoàn tụ gia đình, trước mặt Tòa án ông xin hứa với vợ là sẽ sửa đổi bản thân, không đánh bài nữa, lo làm ăn để chăm sóc vợ con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Lê Minh T, sinh ngày 09/5/2013 và trẻ Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/12/2016, cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

#### **Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè:**

Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Đối với Bị đơn xin vắng nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015. Về nội dung: Có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông T là có thật, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà M và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành, hai vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè cũng đã tổ chức hòa giải cho bà M và ông T nhưng không thành. Như vậy, có căn cứ cho việc xác định tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, đề nghị giao hai con chung cho ông Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung thì cả hai đều xác định không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đào Thị M yêu cầu ly hôn ông Lê Minh T. Do ông T có nơi cư trú tại huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự có mặt của đương sự: Ông Lê Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 của bà Đào Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà Đào Thị M xin ly hôn với ông Lê Minh T với lý do giữa hai người có nhiều điểm khác biệt, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, ông T cờ bạc vợ khuyên không nghe, không lo cho cuộc sống gia đình, ông T còn ghen tuông và có hành vi bạo lực gia đình, dùng lời lẽ nhục mạ, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà làm cho bà trở nên mệt mỏi về cả thể chất lẫn tinh thần.

Xét thấy trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết vụ án, ông T có mặt và đã trình bày lời khai của mình. Ông Lê Minh T thừa nhận vợ chồng ông có nhiều điểm khác biệt, bất đồng trong cuộc sống, kinh tế khó khăn dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, ông T có đánh bạc, vợ đã khuyên nhủ và ông hứa không cờ bạc nữa, ông có đánh vợ do ghen tuông nhưng đã xin lỗi vợ, vợ chồng cố gắng hòa giải với nhau nhưng không có kết quả nên đã ly thân. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè cũng đã tổ chức hòa giải cho bà M và ông T nhưng không thành.

Tại Đơn trình bày tình trạng hôn nhân gia đình ngày 03/6/2020 của bà Đào Thị M đã được Hội liên hiệp phụ nữ xã P xác nhận thì bà Đào Thị M và ông Lê Minh T xảy ra mâu thuẫn và không đưa đến cơ quan giải quyết về chuyện của gia đình.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông T là có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị M đối với ông Lê Minh T.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung chưa thành niên là trẻ Lê Minh T, sinh ngày 09/5/2013 và trẻ Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/12/2016. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và theo ý kiến của ông T bà M thì Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu của ông T là giao hai con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét ông T và bà M đều có ý kiến là sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng cho con, do đó Hội đồng xét xử để các bên tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng.

Bà M được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà M thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T đều xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình do nguyên đơn bà Đào Thị M chịu là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 225, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị M ly hôn với ông Lê Minh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2013).

**2. Về con chung:** Có hai con chung chưa thành niên là trẻ Lê Minh T, sinh ngày 09/5/2013 và trẻ Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 11/12/2016. Buộc bà Đào Thị M giao trẻ Lê Minh T và trẻ Lê Thị Ngọc T cho ông Lê Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Đào Thị M và ông Lê Minh T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con.

Bà Đào Thị M được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà M thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Đào Thị M và ông Lê Minh T đều xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn bà Đào Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0034884 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bà M đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Đào Thị M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trọng Nghĩa**